

Số: /2020/TT-BNV Hà Nội, ngày tháng năm 2020

(Dự thảo 2)

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức – Viên chức;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành, địa phương)

Điều 2. Nguyên tắc xác định cơ cấu ngạch công chức

1. Cơ cấu ngạch công chức được xác định cụ thể tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức.
2. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn các ngạch công chức hành chính và bản mô tả công việc, khung năng lực phù hợp của mỗi vị trí việc làm.
3. Tuân thủ quy định về ngạch công chức hành chính cao nhất được áp dụng trong từng cấp hành chính hoặc từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.
4. Phải căn cứ vào Danh mục vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Căn cứ xác định cơ cấu ngạch công chức

Việc xác định cơ cấu ngạch công chức được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

Điều 4. Xác định mức độ phức tạp của công việc theo vị trí việc làm

Việc xác định mức độ phức tạp của công việc theo vị trí việc làm để làm căn cứ xác định cơ cấu ngạch công chức bao gồm:

1. Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Số lượng, khối lượng công việc của từng vị trí việc làm cần thực hiện trên tổng số lượng, khối lượng công việc của ngạch công chức tương ứng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 5. Xác định ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm

Cơ sở xác định ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm theo quy định của pháp luật bao gồm:

1. Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức hành chính do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành.
2. Chức vụ lãnh đạo, quản lý gắn với yêu cầu vị trí việc làm.
3. Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.
4. Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
5. Căn cứ số lượng vị trí việc làm được xác định theo Phụ lục số IIIA và Phụ lục số IIIB ban hành kèm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức xây dựng Danh mục ngạch công chức tương ứng với vị trí việc làm theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm và tổng hợp chung vào đề nghị về cơ cấu ngạch công chức để trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định.

Điều 6. Xây dựng đề nghị về cơ cấu ngạch công chức

1. Trên cơ sở quy định tại Điều 5 Thông tư này, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị của các bộ, ngành, địa phương được giao quản lý công chức có trách nhiệm xác định số lượng ngạch công chức và tỷ lệ % (phần trăm) công chức giữ các ngạch của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

a) Người đứng đầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng đề nghị theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng đề nghị theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Khi gửi đề nghị về cơ cấu ngạch công chức, người đứng đầu bộ, ngành, địa phương gửi kèm theo vị trí việc làm đã được phê duyệt để Bộ trưởng Bộ Nội vụ có đầy đủ cơ sở xem xét, quyết định số lượng, cơ cấu ngạch công chức của bộ, ngành, địa phương.

3. Bộ phận làm công tác cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tham mưu, giúp người đứng đầu thực hiện việc xác định số lượng ngạch công chức và cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 7. Quyết định cơ cấu ngạch công chức

1. Bộ, ngành, địa phương có văn bản đề nghị kèm theo vị trí việc làm đã được phê duyệt gửi Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định số lượng ngạch, cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo vị trí việc làm đã được phê duyệt của bộ, ngành, địa phương, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định về số lượng ngạch, cơ cấu ngạch công chức của bộ, ngành, địa phương.

2. Trường hợp có sự thay đổi về vị trí việc làm theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, người đứng đầu bộ, ngành, địa phương có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định việc điều chỉnh số lượng ngạch và cơ cấu ngạch công chức.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo vị trí việc làm đã được điều chỉnh của bộ, ngành, địa phương, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định việc điều chỉnh số lượng ngạch, cơ cấu ngạch công chức của bộ, ngành, địa phương.

3. Số lượng ngạch công chức, cơ cấu ngạch công chức của các bộ, ngành, địa phương sau khi được Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định là cơ sở để thực hiện việc nâng ngạch công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có tỷ lệ công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên cao hơn so với tỷ lệ ngạch công chức tương ứng đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng công chức xem xét, quyết định việc điều động, luân chuyển vị trí công tác để bảo đảm cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phù hợp với quyết định về cơ cấu ngạch công chức của Bộ trưởng Bộ Nội vụ kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không thực hiện việc nâng ngạch đối với ngạch công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tỷ lệ cao hơn so với cơ cấu ngạch công chức đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; Website Bộ Nội vụ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, CCVC.

BỘ TRƯỞNG

Lê Vĩnh Tân

Đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý công chức:.....

Đơn vị sử dụng công chức:.....

Phụ lục số 01

DANH MỤC NGẠCH CÔNG CHỨC TƯƠNG ỨNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Ban hành kèm theo Thông tư số... ngày...tháng...năm... của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Số TT	Danh mục vị trí việc làm	Loại ngạch công chức tương ứng	Dự kiến số lượng công chức cần có
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành		
1	Tên vị trí cấp trưởng	Loại...	X
2	Tên vị trí cấp phó	Loại...	X
3	Tên vị trí cấp trưởng đơn vị thuộc hoặc trực thuộc	Loại...	X
4	Tên vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị thuộc hoặc trực thuộc	Loại...	
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành		X
1	Tên vị trí việc làm	Loại...	X1
2	Tên vị trí việc làm	Loại...	X2
...	...		
III	Vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ dùng chung		X
1	Tên vị trí việc làm...	Loại...	X1
2	Tên vị trí việc làm ...	Loại...	X2
...	...		
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		X
1	Tên vị trí việc làm	Loại...	X1
2	Tên vị trí việc làm	Loại...	X2
...			

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

.... ngày ... tháng năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

* Tổng số vị trí việc làm tại các mục I, II, III, IV là số lượng vị trí việc làm tương ứng với các cột số 4, 5, 6, 7 Phụ lục số IIIA và Phụ lục số IIIB ban hành kèm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

* Loại ngạch công chức được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

* X là tổng số của $X1 + X2 + \dots$

Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.....

Phụ lục số 03

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

(Ban hành kèm theo Thông tư số.... ngày.... tháng....năm....của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

TT	Loại hình tổ chức	Số lượng công chức cần có	Số lượng/ loại ngạch công chức		Tỷ lệ ngạch công chức
			Số lượng ngạch công chức	Loại ngạch công chức	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	Cấp tỉnh				
I	Lãnh đạo tỉnh	X	N	Loại...	...%
				Loại...	...%
II	Các cơ quan chuyên môn				
1	Sở A	X	N	Loại...	...%
				Loại...	...%
				...	...
...	Văn phòng	X	N	Loại...	...%
				Loại...	...%
				...	...
III	Các tổ chức khác có sử dụng biên chế công chức				
1	Văn phòng	X	N	Loại...	...%
				Loại...	...%
				...	...
...	...		...	...	...
B	Cấp huyện				
I	Huyện A	X		Loại...	...%
II	Huyện B	X		Loại...	...%
...	...				...

Ghi chú:

- * Cột số (4): N là tổng hợp của cột số (5).
- * Cột số (5): Là kết quả được xác định tại cột số (3) theo Phụ lục số 01.
- * X là dự kiến số lượng công chức cần có tại cột số (4) Danh mục ngạch công chức tương ứng vị trí việc làm theo Phụ lục số 01.